

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2017/DS-ST.
Ngày: 06/7/2017.
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự -
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Khắc Thịnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Bé Hai**

2. Ông **Phạm Phước Tâm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đào Kim Xoa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 06 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2017/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng dân sự - vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2017/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Lê Văn T**, sinh năm 1972;

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: 1/ **Lê Văn N**, sinh năm 1951;

2/ **Bùi Thị V**, sinh năm 1956.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông N và bà V vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Lê Văn T trình bày tại biên bản hòa giải ngày 17/5/2017, ngày 31/5/2017 và tại phiên tòa: Nguyên vào ngày 13/5/2015, anh Lê Văn T có cho vợ chồng ông Lê Văn N và bà Bùi Thị V vay số tiền 122.400.000 đồng, có viết biên nhận, với lãi suất là 2%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả. Đến ngày 05/5/2016, ông N và bà V đã trả cho anh T số tiền vốn là 4.000.000 đồng, còn nợ lại 118.400.000 đồng và không trả lãi như đã thỏa thuận. Anh T đã nhiều

lần đến nhà ông N và bà V để đòi lại số tiền còn nợ, nhưng ông N và bà V hứa hẹn nhiều lần và đến nay vẫn chưa trả.

Anh Lê Văn T yêu cầu vợ chồng ông Lê Văn N và bà Bùi Thị V trả cho anh T số tiền vốn gốc là 118.400.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất tính từ ngày 05/5/2016 đến khi kết thúc vụ kiện theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, anh Lê Văn T yêu cầu vợ chồng ông Lê Văn N và bà Bùi Thị V trả cho anh T số tiền vốn gốc là 118.400.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn là ông Lê Văn N và bà Bùi Thị V đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo phiên họp và hòa giải lần thứ nhất cùng giấy triệu tập họp lệ nhưng đều không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham gia phiên hòa giải của Tòa án. Đến ngày 15/5/2017, tức là sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án thì các bị đơn đã bỏ đi khỏi địa phương, đi đâu làm gì không rõ theo xác nhận của Công an xã P ngày 13/6/2017.

Tài liệu, chứng cứ của vụ án: 01 biên nhận hỏi tiền ngày 13/5/2015.

Các tình tiết không phải chứng minh: Vợ chồng ông Lê Văn N và bà Bùi Thị V có vay số tiền 122.400.000 đồng của anh Lê Văn T.

Các tình tiết không thống nhất và lập luận của các bên: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Ngoài ra, các bị đơn có nơi cư trú tại ấp 5, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn là ông Lê Văn N và bà Bùi Thị V phải có nghĩa vụ trả số tiền vốn gốc còn nợ là 118.400.000 đồng, và tiền lãi từ ngày 05/5/2016 đến ngày 05/7/2017 theo mức lãi suất là 0,83%/tháng. Anh T chứng minh bằng biên nhận hỏi tiền ngày 28/10/2016. Theo đó, vào ngày 13/5/2015, anh Lê Văn T có cho vợ chồng ông Lê Văn N và bà Bùi Thị V vay số tiền 122.400.000 đồng, có viết biên nhận, với lãi suất là 2%/tháng. Đến ngày 05/5/2016, ông N và bà V đã trả cho anh T số tiền vốn là 4.000.000 đồng, còn nợ lại 118.400.000 đồng. Biên nhận về việc vay tiền này do anh T giao nộp cho

Tòa án thể hiện đúng như lời trình bày của anh T. Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án cũng như trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, thể hiện rõ nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện cho các bị đơn. Tuy nhiên, các bị đơn vẫn không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án cũng như không có ý kiến phản bác hay yêu cầu phản tố gì đối với yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn. Đồng thời, đến ngày 15/5/2016 ông N và bà V đã bỏ đi khỏi địa phương, đi đâu làm gì không rõ. Hội đồng xét xử nhận thấy theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Như vậy, việc ông N và bà V đã vay của anh T số tiền nói trên là có thật. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của anh T là có căn cứ, bởi lẽ: căn cứ vào Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và phải chịu lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”*; và tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”*. Ông N và bà V đã cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ; bởi lẽ: căn cứ vào điểm e, khoản 1, Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *“...Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung...”*. Nên nay anh T yêu cầu vợ chồng ông N và bà V có nghĩa vụ liên đới trả cho anh T số tiền vốn vay còn nợ là 118.400.000 đồng là phù hợp nên chấp nhận.

Về lãi suất: Tại phiên tòa, nguyên đơn Lê Văn T xin rút toàn bộ yêu cầu tính lãi suất đối với phía bị đơn. Xét việc xin rút toàn bộ yêu cầu tính lãi suất đối với phía bị đơn của anh T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định theo điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

Đối với ông N và bà V dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên tòa. Đồng thời, bị đơn cũng không có yêu cầu phản tố trong vụ án này và cố tình giấu địa chỉ nhằm trốn tránh nghĩa vụ, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với những đương sự có tên trên theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự còn lại.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T.

Về án phí: Ông N và bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể, số tiền án phí được tính như sau: $118.400.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.920.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 147, 217, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Văn T;
- Buộc vợ chồng ông Lê Văn N và bà Bùi Thị V phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Lê Văn T số tiền vốn còn nợ là 118.400.000 đồng.
- Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của anh Lê Văn T.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Ông Lê Văn N và bà Bùi Thị V phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.920.000 đồng.

Anh Lê Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.960.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 12895 ngày 12 tháng 4 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm anh T được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Riêng ông N và bà V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND HC;
- TAND tỉnh DT;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Khắc Thịnh